

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2021/HSST
Ngày 27/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Viết Tác

2. Ông Nguyễn Xuân Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Lục Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2021/TLST - HS ngày 01 tháng 09 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST - HS ngày 14 tháng 09 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nông Văn C** (tên gọi khác: Nông Văn T), sinh ngày 18/12/1991. Tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

Nơi cư trú: ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn K và bà: Hoàng Thị T; có vợ: Lục Thị Minh N và 01 con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; về nhân thân: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, từ ngày từ ngày 21/6/2021 đến ngày 30/6/2021 thì được hủy bỏ. Nay bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Lục Thị Minh N, sinh năm 1997 (Có mặt)

Trú tại: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Ông Nông Văn K, sinh 1968 (Vắng Mặt)

Trú tại: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- **Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn C (Nông Văn T):** Ông Hà Văn T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Bắc Kạn. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tố tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 45 phút ngày 21/06/2021, Tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an huyện Chợ Đồn đang làm nhiệm vụ tại khu vực thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đã phát hiện và bắt quả tang bị cáo Nông Văn C (tên gọi khác: Nông Văn T) đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ tại túi quần trước bên trái bị cáo C đang mặc trên người 01 (một) gói giấy mặt ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng, bên trong có 01 (một) gói giấy mặt ngoài màu trắng, mặt trong màu vàng chứa cục và chất bột màu trắng. Tiến hành trích mẫu cho vào thuốc thử phát hiện nhanh các chất ma túy, kết quả thuốc thử phản ứng dương tính với ma túy loại Heroine (*được niêm phong vào phong bì ký hiệu T1*). Ngoài ra tiến hành tạm giữ 01 (một) xi lanh nhựa loại 03ml/cc, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Hon Da Wave α , màu xanh, biển kiểm soát 97B1-632.28 đã qua sử dụng.

Tại biên bản mở niêm phong cân xác định khối lượng hồi 15 giờ 45 phút ngày 21/06/2021 xác định: Cân riêng toàn bộ cục và chất bột màu trắng chứa trong 01 gói giấy mặt ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng, bên trong có 01 (một) gói giấy mặt ngoài màu trắng, mặt trong màu vàng có khối lượng 0,22g (*không thấy hai hai gam*) niêm phong gửi Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn giám định ký hiệu T2.

Hồi 16 giờ 20 phút ngày 21/06/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn đã tiến hành khám xét khẩn cấp đối với nhà ở, công trình phụ cận có liên quan đối với bị cáo Nông Văn C. Qua khám xét không phát hiện, thu giữ tài liệu, đồ vật gì.

Tại bản Kết quả giám định số: 127/KTHS- MT ngày 27/06/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất màu trắng dạng cục và bột trong phong bì ký hiệu T2 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,22g (*không thấy hai hai gam*).

Bị cáo Nông Văn C (Nông Văn T) khai nhận: 01 (một) gói ma túy mà Cơ quan Công an thu giữ khi bắt quả tang là ma túy Heroine do bị cáo C (T) mua về để sử dụng cá nhân. Cụ thể, Toàn bộ số ma túy trên là của bị cáo C (T) do bị cáo mua về để sử dụng cho bản thân, cụ thể: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 21/06/2021, bị cáo C (T) một mình điều khiển xe mô tô BKS 97B1-632.28 (xe của C (T)) từ nhà đi xuống xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để tìm mua ma túy về sử dụng. Khoảng 11 giờ 30 phút, bị cáo C (T) gặp và mua 01 (một) gói ma túy với một người đàn ông không quen biết tại khu vực chợ P thuộc thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn với giá 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*). Số ma túy trên bị cáo C (T) cất trong túi đằng trước bên trái chiếc quần bị cáo đang mặc trên người. Sau đó bị cáo C (T) điều khiển xe mô tô đi về nhà, đến khu vực đèo K thuộc thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì bị Cơ quan Công an phát hiện và bắt quả tang thu giữ toàn bộ số ma túy trên.

Vật chứng vụ án: Số ma túy đã thu giữ sau khi giám định còn 0,20 g (*không thấy hai không gam*); 01 (một) phong bì ký hiệu T127; 01 (một) phong bì ký hiệu T3; 01 (một) xi lanh nhựa loại 03ml/cc đã qua sử dụng; 01 (một) nhãn hiệu Hon da Wave α , màu xanh, biển kiểm soát 97B1-632.28 đã qua sử dụng; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 033215. hiện nay đang được tạm giữ, bảo quản theo (Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT và Chi cục THADS huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn ngày 06/9/2021) đúng quy định của pháp luật .

Tại bản cáo trạng số: 37/CT-VKSCĐ ngày 31/8/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Nông Văn C (Nông Văn T) về tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn thực hành quyền công tố tại phiên toà đọc bản luận tội đề nghị: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như cáo trạng. Tuyên bố bị cáo Nông Văn C (Nông Văn T) phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nông Văn C (Nông Văn T) từ 12 tháng đến 18 tháng tù. Được trừ đi số ngày bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/6/2021 đến ngày 30/6/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nông Văn C (Nông Văn T) theo khoản 5 Điều 249/BLHS.

- Vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị: Số ma túy đã thu giữ của bị cáo sau khi giám định còn lại 0,20 g là vật cấm lưu hành tịch thu tiêu hủy. Các vỏ phong bì, giấy gói mở niêm phong và 01 (một) xi lanh không có giá trị tịch thu tiêu hủy.

Tịch thu đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Hon da Wave α , màu xanh, biển kiểm soát 97B1-632.28 đã qua sử dụng để hóa giá sung quỹ nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị của chiếc xe (Phần giá trị $\frac{1}{2}$ của chiếc xe thuộc quyền sở hữu của bị cáo). Trả lại cho chị Lục Thị Minh N (vợ bị cáo) $\frac{1}{2}$ giá trị của chiếc xe thuộc quyền sở hữu của chị N. Tạm giữ 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 033215, tên chủ xe Nông Văn C để đảm bảo công tác thi hành án đối với chiếc xe trên.

- Án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và đơn xin miễn án phí của bị cáo. Đề nghị cho bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn C (Nông Văn T): Tại phiên tòa trình bày luận cứ:

Việc điều tra, truy tố, xét xử Nông Văn C (Nông Văn T) về tội tàng trữ trái phép chất ma túy là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Căn cứ nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi lượng hình phạt cho bị cáo. Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nông Văn C (Nông Văn T) từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Căn cứ khoản 2 Điều 50 và khoản 5 Điều 249/BLHS. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vật chứng căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị số ma túy đã thu giữ còn lại sau giám định 0,20 g là vật cấm lưu hành, các phong bì, giấy gói, 01 xi lanh không có giá trị được tịch thu tiêu hủy. Tịch thu 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da Wave α , màu xanh, biển kiểm soát 97B1-632.28 đã qua sử dụng để hóa giá $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe (phần giá trị $\frac{1}{2}$ của chiếc xe thuộc quyền sở hữu của bị cáo). trả lại cho chị Lục Thị Minh N (vợ bị cáo) $\frac{1}{2}$ giá trị của chiếc xe thuộc quyền sở hữu của chị N. Tạm giữ 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 033215, tên chủ xe Nông Văn C để đảm bảo công tác thi hành án đối với chiếc xe trên.

Án phí căn cứ Điều 135,136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/ ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 , đơn xin miễn án phí của bị cáo, đề nghị cho bị cáo được miễn 200.000đ, án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa: Người bào chữa và Kiểm sát viên không có ý kiến tranh luận.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nông Văn C (Nông Văn T) không có ý kiến tranh luận và không có ý kiến bổ sung lời bào chữa.

Tại phiên tòa: Chị Lục Thị Minh N đề nghị xin được trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị (thuộc quyền sở hữu của chị) của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da Wave α , màu xanh, biển kiểm soát 97B1-632.28. Chị N không có tranh luận

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo một mình thực hiện hành vi phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy là sai là vi phạm pháp luật nên bị cáo tự chịu trách nhiệm trước pháp luật. Xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Đồn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa và người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa: Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Hoàng Thị T và ông Nông Văn K nhưng không có ai đề nghị hoãn phiên tòa, thấy cần thiết quá trình xét xử sẽ công bố lời khai của bà T, ông K.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nông Văn C (Nông Văn T) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản phạm tội quả tang, biên bản khám xét khẩn cấp, vật chứng, kết luận giám định, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 21/06/2021, tại khu vực chợ P thuộc thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, bị cáo Nông Văn C (Nông Văn T) đã có hành vi mua trái phép 01 (một) gói ma túy

Heroine có khối lượng 0,22g (không phẩy hai hai gam) với giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) với 01 (một) người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ để sử dụng cá nhân. Số ma túy trên bị cáo C (T) cất trong túi đằng trước bên trái chiếc quần bị cáo đang mặc trên người. Sau đó bị cáo điều khiển xe mô tô đi về nhà, đến khu vực đèo K thuộc thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn phát hiện, bắt quả tang thu toàn bộ số ma túy.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an ở địa phương, phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, khi phạm tội bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Điều luật có nội dung như sau:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a);

b);

c) Heroine có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

Khoản 5:Người phạm tội còn có thể phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...

[3]. Xét nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Thấy bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhưng bị cáo khai có sử dụng ma túy từ năm 2019.

- Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo Điều 52 Bộ luật hình sự

- Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài ra bị cáo có ông nội là Nông Văn S được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng quan là có căn cứ đúng

pháp luật. Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù là nằm trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố là phù hợp.

[5]. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy, ngày 21/06/2021 bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với mục đích để sử dụng cá nhân. Chúng tôi bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật, dẫn đến phạm tội. Để đảm bảo tính nghiêm minh công bằng của pháp luật cần áp dụng mức hình phạt tù để bị cáo đi tập trung cải tạo một thời gian nhất định nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Qua các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Thấy bị cáo không có công việc ổn định, không có thu nhập, không có tài sản riêng, không tài sản có trị trên 50.000.000đ, bị cáo sinh sống vùng kinh tế đặc biệt khó khăn xét không có tính khả thi cho việc thi hành án dân sự, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 249/BLHS là phù hợp.

[7]. Về vật chứng:

Đối với số ma túy đã bị thu giữ sau khi giám định còn lại 0,20 gam (không phải hai mươi gam) là vật cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy;

Đối với 01 (một) phong bì ký hiệu T127, phong bì được niêm phong dán kín (bên trong có phong bì và bao gói cũ); 01 (một) phong bì ký hiệu T3, phong bì được niêm phong dán kín (bên trong có một mảnh giấy mặt ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng; một mảnh giấy mặt ngoài màu trắng, bên trong màu vàng; giấy gói ban đầu tạm giữ được của Nông Văn C và vỏ phong bì ký hiệu T1); 01 (một) xi lanh nhựa loại 03ml/cc đã qua sử dụng – xác định đều là vật chứng không có giá trị được tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave α ; màu: xanh; biển kiểm soát: 97B1 - 632.28; số khung: RLHHC1255FY380567; số máy: HC12E - Y7380726, xe đã qua sử dụng. Là tài sản chung của vợ chồng có trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp nhưng do bị cáo ngày 21/06/2021 có sử dụng chiếc xe liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo và chị N kết hôn từ năm 2017, sau khi kết hôn quá trình chung sống được bố mẹ của bị cáo là ông Nông Văn K và bà Hoàng Thị T mua tặng cho chiếc xe để làm tài sản chung của hai vợ chồng vào tháng 02 năm 2017. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo C (T) khai nhận chiếc xe trên là do bố mẹ bị cáo bỏ tiền ra mua cho vợ chồng bị cáo làm tài sản chung, ông K và bà T đã giao cho vợ chồng bị cáo toàn quyền quản lý, sử

dụng, định đoạt và đã làm giấy đăng ký xe đứng tên bị cáo Nông Văn C (Nông Văn T). Quá trình điều tra và tại phiên tòa chị N khai nguồn tiền mua xe là của bố mẹ chồng (tức ông K, bà T), tuy nhiên, ông K và bà T đã làm đăng ký xe đứng tên Nông Văn C (T) và giao lại toàn quyền sở hữu chiếc xe cho vợ chồng chị nên đây là tài sản chung của vợ chồng chị theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông K và bà T xác định chiếc xe thuộc sở hữu của vợ chồng bị cáo C và chị N, do đó cần tịch thu 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave α ; màu: xanh; biển kiểm soát: 97B1 - 632.28; số khung: RLHHC1255FY380567; số máy: HC12E - Y7380726, xe đã qua sử dụng để hóa giá sung vào công quỹ nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị (phần giá trị thuộc quyền sở hữu của bị cáo). Trả lại cho chị Lục Thị Minh N (vợ bị cáo) $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe thuộc quyền sở hữu của chị N.

- 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 033215 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 27/02/2017, tên chủ xe: Nông Văn C, địa chỉ: Nà B, B1, C, tỉnh Bắc Kạn. Cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án (trong quá trình thi hành án nếu bị cáo hoặc vợ bị cáo tự nguyện thi hành án $\frac{1}{2}$ giá trị phần chiếc xe bị tịch thu thì trả lại cho họ để đảm bảo quyền sở hữu và lưu hành xe).

[8] Đối với người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) theo lời khai của bị cáo Nông Văn C (Nông Văn T) là người đã bán ma túy Heroine cho bị cáo C (T) tại khu vực chợ P thuộc thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Kết thúc điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nông Văn C (T) không cung cấp được danh tính, địa chỉ cụ thể nên không đủ căn cứ xử lý.

[9] Đối với chị Lục Thị Minh N là vợ của bị cáo Nông Văn C (Nông Văn T). Qua điều tra và tại phiên tòa xác định được việc bị cáo C (T) sử dụng xe đi mua ma túy và tàng trữ ma túy chị N không biết nên không xem xét, xử lý đối với chị Lục Thị Minh N là có căn cứ.

[11]. Về án phí: Xét thấy bị cáo thuộc diện dân tộc thiểu số, sinh sống vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quyết định số: 681/QĐ-Ttg ngày 04/6/2021 các xã III giai đoạn 2021 đến 2025 và bị cáo có đơn xin được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử xem cho bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn C (Nông Văn T) phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

[2]. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nông Văn C (Nông Văn T) 15 (Mười Lăm) tháng tù. Được trừ đi số ngày bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/6/2021 đến ngày 30/6/2021. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nông Văn C (Nông Văn T) theo khoản 5 Điều 249/BLHS.

[3]. Về vật chứng: áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì ký hiệu T127, phong bì được niêm phong dán kín, trên mặt niêm phong có đóng 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn và 04 (bốn) chữ ký không đọc được (*bên trong có 0,20g ma túy còn lại sau giám định và phong bì, bao gói cũ niêm phong gửi giám định*).

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì ký hiệu T3, phong bì được niêm phong dán kín, trên mặt niêm phong có 03 (ba) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn, 04 (bốn) chữ ký không đọc được và các dòng chữ Ma Đình H, C, Nông Văn C, Nguyễn Viết H (*bên trong có một mảnh giấy mặt ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng; một mảnh giấy mặt ngoài màu trắng, bên trong màu vàng; giấy gói ban đầu tạm giữ được của Nông Văn C và vỏ phong bì ký hiệu T1*).

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) xi lanh nhựa loại 03ml/cc đã qua sử dụng.

Tịch thu đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Hon da Wave α , màu xanh, biển kiểm soát 97B1 - 632.28 đã qua sử dụng để hóa giá sung vào công quỹ nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị (phần giá trị thuộc quyền sở hữu của bị cáo). Trả lại cho chị Lục Thị Minh N (vợ bị cáo) $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe thuộc quyền sở hữu của chị N.

+ Tạm giữ 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 033215 do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 27/02/2017, tên chủ xe: Nông Văn C, địa chỉ: Nhà B, B1, C, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo công tác thi hành án đối với chiếc xe biển kiểm soát 97B1 - 632.28.

(*Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Chợ Đồn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn ngày 06 tháng 9 năm 2021*)

[4]. Án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, và đơn xin miễn án phí của bị cáo. Bị cáo Nông Văn C (Nông Văn T) được miễn 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Xử án công khai sơ thẩm bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- Công an huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- Người tham gia TT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Cạn